

Bản án số: 63/2017/HS-ST
Ngày 21/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Trường Hải.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Văn Lương.
Ông Nguyễn Sương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Huỳnh Tường Viên – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 75/HSST ngày 01 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

- **Nguyễn V. C** (H. L) - sinh năm 1982. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: tổ 13, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 02/12; Con ông: Nguyễn V. T – sinh năm 1950 và bà Võ T. H – sinh năm 1949; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/6/2017 tại nhà tạm giữ Công an thị xã Ninh Hòa. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người bị hại:* Ông **Võ Q. N** (T.n) - sinh năm 1988
Trú tại: tổ dân phố T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; Vắng mặt tại phiên tòa.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Võ V. H** (C) - sinh năm 1991

Trú tại: tổ dân phố T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; Vắng mặt.

2. Ông **Võ P. H** (H. n) – sinh năm 1995

Trú tại: tổ 9 ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

3. **Đoàn M. Ch** (C) - sinh năm 1990

Trú tại: Thôn 1, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

4. **Huỳnh T. V** - sinh năm 1991

Trú tại: Thôn T, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa truy tố về hành vi phạm tội như sau: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 07/5/2016, Nguyễn V. C và Đoàn M. Ch đi đến quán P ở tổ dân phố T, phường N, thị xã N chơi. Ch thấy Võ Q. N với Võ V. H cùng một số người khác đang ngồi nhậu và có chỉ tay về phía mình, Ch nghĩ N muốn gây sự nên nói với C rồi cả hai rủ về để kêu thêm một số người khác đến đánh nhau. Sau khi C điện thoại rủ Huỳnh T. V và V đồng ý thì C kêu Ch chở V đến nơi C giấu hung khí để lấy mang theo, còn C đi chở thêm Võ P. H và hẹn gặp tại đầu đường vào quán P. Khi cả bốn gặp nhau, H ở lại giữ xe của Ch, còn C lái xe mô tô đi trước và Ch, V mỗi người cầm một cây dao tự tạo bằng kim loại dài khoảng 60-70cm đi sau. Khi đến trước quán, thấy N và H đang ngồi nhậu, C dừng lại và chỉ cho Ch, V chạy đến dùng dao chém nhiều nhát vào người N và H, lúc này cả hai bị bất ngờ nên dùng tay đỡ và bỏ chạy, C và V đuổi theo nhưng không kịp nên lên xe cho C và H chở về. Sau đó, N được đưa đến bệnh viện cấp cứu, còn H ở nhà tự điều trị.

Theo bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 185/TgT ngày 13/7/2016 của Trung tâm pháp y Tỉnh Khánh Hòa kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Võ Q. N là 15%.

Tại bản cáo trạng số 60/KSĐT-TA ngày 30/8/2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa đã truy tố bị cáo Nguyễn V. C về “*Tội cố ý gây thương tích*” theo khoản 2 điều 104 (viện dẫn điểm a, i khoản 1 Điều 104) Bộ luật hình sự và căn cứ Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội về việc áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 có lợi cho người phạm tội. Do vậy áp dụng điều khoản có lợi về khung hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội về việc áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 có lợi cho người phạm tội. Do vậy, áp dụng điều khoản có lợi về khung hình phạt được quy định tại khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo và đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 104 (viện dẫn điểm a, i khoản 1 Điều 104); điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo Nguyễn V. C từ 24 tháng đến 30 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Tại hồ sơ vụ án thể hiện người bị hại đã nhận đủ số tiền bồi thường và không yêu cầu nhưng tại phiên tòa vắng mặt nên cần tách thành vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên cần tách thành vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu. Về vật chứng: Cơ quan điều tra không thu giữ được vật chứng nên không xử lý.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Về tố tụng: Tại phiên tòa, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy sự vắng mặt của họ chỉ trở ngại cho việc giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại không ảnh hưởng đến việc xét xử nên vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 191 Bộ luật tố tụng hình sự.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn V. C đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, kết luận giám định pháp y về thương tích và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “*Tội cố ý gây thương tích*” theo khoản 2 Điều 104 (viện dẫn điểm a, i khoản 1 Điều 104) Bộ luật hình sự. Do vậy, Cáo trạng số 60/KSĐT-TA ngày 30/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người và đúng tội. Tại Điều 104 bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

a) Dùng hung khí nguy hiểm hoặc dùng thủ đoạn gây nguy hại cho nhiều người;

i) Có tính chất côn đồ hoặc tái phạm nguy hiểm;

2. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.”

Theo Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội về việc áp dụng các quy định của Bộ luật Hình sự năm 2015 có lợi cho người phạm tội. Tại khoản 3 Điều 7; Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“ 1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn gây nguy hại cho từ 02 người trở lên;

m) Có tính chất côn đồ;

2. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các

trường hợp quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm.”

Do đó, theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát áp dụng cho bị cáo được hưởng khung hình phạt có lợi cho bị cáo đối với hành vi phạm tội nêu trên là có cơ sở của pháp luật.

Đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo cùng với Ch, V đã thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn. Mặc dù không có mâu thuẫn gì với anh N và anh H nhưng khi thực hiện tội phạm, bị cáo đóng vai trò là người cầm đầu, từ việc gọi cho Huỳnh T. V, Võ P. H và chuẩn bị hung khí tự tạo đồng thời trực tiếp đi trước xác định bị hại cho Ch và V thực hiện hành vi gây thương tích cho anh N và anh H. Sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn cho cơ quan điều tra. Hành vi của bị cáo thể hiện tính hung hãn, côn đồ, coi thường pháp luật và nguy hiểm cho xã hội, gây hậu quả nghiêm trọng, gây mất trật tự trị an tại địa phương nên cần phải xử lý nghiêm minh, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục phòng ngừa chung tội phạm. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; chưa có tiền án, tiền sự nên cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo.

- *Về trách nhiệm dân sự:* Tại phiên tòa, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên cần tách thành vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

- *Về án phí:* Căn cứ Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Căn cứ Nghị quyết án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Bị cáo Nguyễn V. C phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo:* Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn V. C** phạm tội “*Tội cố ý gây thương tích*”.

1. Áp dụng khoản 2 Điều 104 (viện dẫn điểm a, i khoản 1 Điều 104); điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

Căn cứ Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016.

Căn cứ khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn V. C 02** (Hai) năm **06** (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 10/6/2017.

2. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên cần tách thành vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

3. Về án phí: Bị cáo Nguyễn V. C phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án để Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Tòa án nhân dân Tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Công an thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Trường Hải